

Bản án số: 79/2020/HS-ST

Ngày: 10-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phên tòa: Bà Vũ Thiên Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nga

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký Phên tòa: Ông Dương Hồng Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia Phên tòa: Bà Vương Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn Phên tòa số 15/2020/QĐST-HS ngày 18/5/2020, Quyết định hoãn Phên tòa số 19/2020/QĐST-HS ngày 30/5/2020 đối với các bị cáo:

1: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1985; HKTT và nơi ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954, có chồng là Ngô Văn L, sinh năm 1981 và 03 con, sinh các năm 2004, 2010 và 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang ngày 16/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

2: Lê Đình P, sinh năm 1989; HKTT và nơi ở: Thôn K, xã Đ, huyện L, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P (đã chết) và bà Chu Thị Tr, sinh năm 1955, có vợ là Dương Thị Thu Th, sinh năm 1991 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: 01 tiền

án - Bản án số 83/2018/HSST ngày 31/7/2018 TAND huyện L xử 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời hạn thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc (BL300); Bị bắt quả tang và tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

3: Phạm Như Q, sinh năm 1992; HKTT và nơi ở: Thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1964 và bà Phạm Văn T, sinh năm 1968; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

4. Phạm Văn Tr, sinh năm 1990; HKTT và nơi ở: Thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn Ch, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1970, có vợ là Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1993 và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018; Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

5. Nguyễn Chiến Th, sinh năm 1994; HKTT và nơi ở: Thôn 5, xã K, huyện L, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1956, có vợ là Phạm Thùy N, sinh năm 2000 và 01 con tên Nguyễn Duy A, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: chưa. Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

6: Lê Thị T, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: An, TT Tr, huyện L, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn P (đã chết) và bà Chu Thị Tr, sinh năm 1956, có chồng là Lê Văn T, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: 01 tiền án – Bản án số 12/2015/HSST ngày 27/4/2015 TAND huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội Trộm cắp tài sản (BL272)(Đã xóa án tích); Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

7: Lê Thị Q M, sinh năm 1998; HKTT và nơi ở: Thôn X, xã T, huyện V,

tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Lê Thị Kh, sinh năm 1959, có chồng là Cao Đức M, sinh năm 1997 và 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

8: Lê Thị H (Tên gọi khác là Vân), sinh năm 1990; HKTT và nơi ở Thôn 6, xã Đ, huyện L, TP Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H, sinh năm 1970 và bà Lê Thị S, sinh năm 1965, có chồng là HNguyễn Văn Tr, sinh năm 1986, có 03 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

9: Lê Đức Th, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: Thôn S, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Không rõ bố, con bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966, có vợ là Trần Thị Ph, sinh năm 2000, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt quả tang và tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/12/2019 đến nay. “Có mặt”.

10: Nguyễn Thị M (Tên gọi khác là Lan), sinh năm 1980; HKTT và nơi ở: thôn B 3, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1947 và bà Lê Thị K, sinh năm 1948; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/02/2020 đến nay. “Có mặt”.

11: Trịnh Phương S, sinh năm 1991; HKTT và nơi ở: Thôn B, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trịnh Phương M (đã chết) và bà Hoàng Thị N, sinh năm 1954, có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1992, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/02/2020 đến nay. “Có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Phên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 16/12/2019, Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê Thị Q M, Nguyễn Thị M và Trịnh Phương S đến nhà Nguyễn Thị Hồng N trú tại thôn N, xã Đ, huyện L, Hà Nội để mượn phòng ngủ của N đánh bạc xóc đĩa ăn tiền. N đồng ý, T là người cắt quân vị từ bài chắn và lấy bát đĩa tại nhà N để đánh bạc. Các đối tượng thống nhất mỗi người nộp 100.000 đồng gọi là tiền phé để đưa cho N; Q là người xóc cái để T, T, H, Th, M, S và M chơi. Cách thức đánh bạc được quy ước: Q quy định bên tay phải của Q là cửa Chắn, bên tay trái Q là cửa Lẻ, mỗi ván chơi Q sẽ cho 04 quân vị vào đĩa, úp bát lên xóc đều và đặt xuống chiếu, các đối tượng đánh bạc sẽ đặt tiền vào cửa Chắn hoặc Lẻ tùy ý, sau đó Q mở bát ra, nếu trong đĩa có hai quân vị màu trắng, hai quân vị màu vàng hoặc bốn quân vị đều màu vàng hay bốn quân vị đều là màu trắng thì đó là Chắn, những người đặt cửa Chắn sẽ thắng, cửa Lẻ thua. Nếu khi trong đĩa có ba quân vị màu trắng, một quân vị màu vàng, hoặc ba quân vị màu vàng, một quân vị màu trắng, thì là Lẻ và ai đặt tiền ở cửa Lẻ sẽ thắng, cửa Chắn thua, số tiền được thu về sẽ gấp 2 lần số tiền khi đặt cửa, sau khi mở bát Q sẽ là người cân đối và thanh toán số tiền cho các đối tượng đặt ở 2 bên cửa Chắn và cửa Lẻ, số tiền chênh lệch 02 cửa Chắn, Lẻ của mỗi ván chơi, Q sẽ chịu trách nhiệm thanh toán. Khi các bị can đang chơi khoảng 30 phút thì Th đến, Q trả cho Th 2.000.000 đồng để Th tham gia đánh bạc. Trong quá trình chơi, Q hết tiền thì T vào xóc cái thay cho Q. Sau đó Th và Ph đến cùng tham gia chơi đánh bạc xóc đĩa ăn tiền. Khi T, Q, H, T, M, Th, Th và Ph đang đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Các bị cáo Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê Thị Q M, Nguyễn Thị Hồng N, Lê Đức Th, Lê Đình Ph, Nguyễn Chiến Th, Nguyễn Thị M và Trịnh Phương S cùng khai nhận: Ngày 16/12/2019 là lần đầu tiên các bị can tham gia đánh bạc thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt giữ. Nguyễn Thị M là người thu tiền phé của các đối tượng cùng tham gia đánh bạc mỗi người 100.000 đồng. Tổng số tiền 800.000 đồng gồm của Q, T, Th, Th, M, T, H, M sau đó đưa lại cho Nguyễn Thị Hồng N là chủ nhà. Phạm Như Q là người xóc cái, Q sử dụng khoảng 18.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phé 100.000 đồng khi bị bắt giữ còn 8.000.000 đồng. Phạm Văn Tr là người xóc cái thay Q, T sử dụng khoảng 5.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phé 100.000 đồng, chơi thua hết. Nguyễn Chiến Th sử dụng khoảng 5.400.000 đồng để đánh bạc, nộp phé 100.000 đồng khi bị bắt còn 630.000 đồng. Lê Thị Q M sử dụng khoảng 5.300.000 đồng để đánh bạc, nộp phé 100.000 đồng, khi bị bắt giữ còn 5.300.000 đồng. Lê Thị T sử dụng khoảng 5.100.000 đồng để đánh bạc, nộp phé 100.000 đồng, khi công an bắt giữ còn 300.000 đồng. Lê Đức Th

có 2.000.000 đồng dùng đánh bạc nộp phế 100.000 đồng, khi công an bắt chơi thua hết tiền. Lê Thị H sử dụng khoảng 1.600.000 đồng, nộp phế 100.000 đồng khi công an bắt giữ còn 2.200.000 đồng. Nguyễn Thị M sử dụng khoảng 500.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng, khi chơi thua hết tiền đứng xem. Trịnh Phương S sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc không phải nộp phế và Lê Đình P sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc không phải nộp phế, khi công an bắt S và Ph đều đã thua hết tiền.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSGL ngày 04/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N về tội Gá bạc theo điểm b khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Các bị cáo Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Nguyễn Chiến Th, Lê Thị Q M, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê Đức Th, Nguyễn Thị M, Trịnh Phương S, Lê Đình P về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Phên tòa:

-Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi đúng như cáo trạng đã truy tố, không sửa đổi, bổ sung gì. M thừa nhận M và S đến nhà N trước, sau đó M đặt vấn đề với N mượn phòng ngủ của N để mọi người chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, N đồng ý. M đã gọi điện cho H rủ H đến chơi, H nói với T và M rồi cả 3 cùng đến nhà N. T biết thì gọi điện cho Q đến. Q rủ T đến nhà N, sau đó Th, Th là bạn T, gọi điện cho T và biết chỗ đến chơi. Ph đi vào nhà N mua gà thấy mọi người đang chơi xóc đĩa ăn tiền nên cũng vào chơi.

-Đại diện VKSND huyện L đề nghị:

Xét tính chất vai trò, nhân thân của các bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s Điều 51 (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải), điểm n (đang mang thai) khoản 1, khoản 2 (hiện đang nuôi con dưới 36 tháng, chưa tiền án tiền sự) Điều 51, Điều 65 của BLHS xử phạt N từ 18 - 20 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 - 40 tháng. Giao bị cáo N cho UBND xã Đ, huyện L giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 của BLHS đối với các bị cáo T, Q, xử phạt Phạm Như Q từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24-30 tháng, xử phạt Phạm Văn Tr từ 10-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20-24 tháng. Giao các bị cáo về UBND xã L, Văn Giang, Hưng Yên nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58 của BLHS xử phạt Lê Đình P từ 15-18 tháng tù, hạn tù tính từ ngày 16/12/2019.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của BLHS xử phạt Lê Thị T từ 10-12 tháng tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ 9 ngày tạm giữ từ 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019.

5. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 của BLHS xử phạt Nguyễn Chiến Th, Lê Thị Q M, Lê Đức Th, Lê Thị H mỗi bị cáo từ 8 - 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16-20 tháng. Giao bị cáo Thắng về UBND xã K, huyện L, thành phố Hà Nội; Giao bị cáo Lê Thị Q M về UBND xã Thắng Lợi, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giao bị cáo Lê Thị H về UBND xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội; Giao bị cáo Lê Đức Th về UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 của BLHS xử phạt Nguyễn Thị M và Trịnh Phương S mỗi bị cáo 6 - 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 - 16 tháng tù. Giao bị cáo Nguyễn Thị M về UBND xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Giao bị cáo Trịnh Phương S về UBND xã Y, huyện Phú Mỹ, tỉnh Hưng Yên là nơi các bị cáo cư trú theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo đều không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS đề nghị tiêu hủy công cụ phương tiện phạm tội là 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 chăn; Đề nghị tịch thu sung công số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 21.780.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại Phên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra và tại Phên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì khác về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy vào khoảng 14 giờ 25 ngày 16/12/2019 Đội CSĐTTP về trật tự xã hội Công an huyện L bắt quả tang các con bạc đang chơi xóc đĩa ăn tiền tại phòng ngủ của Nguyễn Thị Hồng N tại xã Đ,

huyện L, thành phố Hà Nội gồm Nguyễn Chiến Th, Phạm Văn Tr, Lê Thị T, Lê Thị H, Phạm Như Q, Lê Đức Th, Lê Đình P, Lê Thị Q M, Nguyễn Thị M, Trịnh Phương S thu giữ tiền trên chiếu bạc và trên người các bị cáo tổng số tiền là 21.780.000 đồng, trong đó trên chiếu bạc là 15.980.000 đồng, trong người M là 5.000.000 đồng, tiền phé N đã thu của các con bạc là 800.000 đồng. Quá trình điều tra và tại Phên tòa, N và M cùng thành khẩn khai báo M là người đặt vấn đề với N để các con bạc chơi xóc đĩa ăn tiền tại trang trại của N, N đã đồng ý, tổng số người đánh xóc đĩa tại nhà N là 10 người, tổng số tiền thu được trên chiếu bạc là 21.780.000 đồng đã chứng minh được, nên đủ căn cứ kết luận hành vi của N đã đủ yếu tố cấu thành tội Gá bạc quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 của BLHS: “*b.Sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu hoặc quản lý của mình để cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá 5.000.000 đồng trở lên ”*”.

Đối với Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Nguyễn Chiến Th, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê Đức Th, Lê Đình P, Lê Thị Q M bị bắt quả tang, các đối tượng đều thừa nhận có tham gia xóc đĩa, có sử dụng tiền cá nhân để chơi xóc đĩa cụ thể T sử dụng khoảng 5.000.000 đồng, Q sử dụng khoảng 18.000.000 đồng, T sử dụng 5.100.000 đồng, Th sử dụng khoảng 5.400.000 đồng, M sử dụng khoảng 5.300.000 đồng, Th sử dụng 2.000.000 đồng, Ph sử dụng 200.000 đồng, H sử dụng khoảng 1.600.000 đồng.

Đối với M, S khi bắt quả tang đang đứng xem mọi người chơi xóc đĩa, nhưng qua đấu tranh, M thừa nhận sử dụng 500.000 đồng tham gia chơi xóc đĩa, có nộp phé 100.000 đồng, S thừa nhận sử dụng 300.000 đồng tham gia chơi xóc đĩa, lời khai của M và S phù hợp với lời khai của các bị cáo khác đều khai nhận M và S có tham gia xóc đĩa ăn tiền, nhưng chơi thua hết thì đứng xem, phù hợp với lời khai của M và S, nên đủ cơ sở kết luận M và S có tham gia đánh bạc. M tức Lan còn là người thu tiền hồ mỗi người 100.000 đồng được 8 người gồm H, M, T, Q, Th, M, Th, T để đưa cho N, lời khai của M và N phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của 7 người nộp tiền phé cho M là H, M, T, Q, Th, Th, T nên đủ cơ sở kết luận M là người thu tiền hồ 800.000 đồng và đưa 800.000 đồng này cho N.

Từ những phân tích trên đủ cơ sở kết luận 10 bị cáo Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Lê Thị T, Nguyễn Chiến Th, Lê Thị Q M, Lê Thị H, Lê Đức Th, Lê Đình P, Nguyễn Thị M, Trịnh Phương S đã có hành vi tham gia xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền thu được 21.780.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS quy định như sau: “*1.Người nào đánh bạc trái phép dưới bất cứ hình thức nào được thua bằng tiền hoặc hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng....”*”. Theo lời khai của các bị cáo, tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc cộng lại được

43.400.000 đồng nhưng khi thu giữ đã lập biên bản thu giữ theo đúng quy định của pháp luật, các bị cáo ký biên bản quả tang thu giữ tại chiếu bạc là 21.780.000 đồng, tại Phiên tòa các bị cáo cũng thừa nhận thu giữ tại chiếu bạc và trên người bị cáo M và N tổng số tiền là 21.780.000 đồng, nay cũng không có tài liệu nào khác chứng minh các bị cáo sử dụng 43.400.000 đồng để đánh bạc, nên không có căn cứ kết luận số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 43.400.000 đồng như các bị cáo trình bày.

*Về vai trò của từng bị cáo như sau:

-N là chủ nhà, N sử dụng nhà của mình cho các con bạc chơi, thu tiền phé 800.000 đồng, là người mà M nhờ cho chơi, không phải người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo mọi người tham gia đánh bạc, nên N phải có mức hình phạt cao nhất.

- M đặt vấn đề với N cho các con bạc chơi, rủ H đến chơi, nên vai trò chủ mưu, rủ rê các con bạc đến chơi xóc đĩa tại nhà N.

-Q: Là người xóc cái, có số tiền tham gia đánh bạc cao nhất trong tất cả các bị cáo là 18.000.000 đồng, vai trò là người thực hành tích cực.

-T: Là người xóc cái, cắt quân bài, chuẩn bị bát đĩa, số tiền tham gia chơi tự khai là 5.000.000 đồng, vai trò là người thực hành tích cực.

M, T, Q có vai trò quan trọng thực hành tích cực sau N nên có mức hình phạt thấp hơn N.

- T: Là người rủ rê Q đến chơi, vai trò rủ rê lôi kéo, số tiền tham gia chơi ở mức thứ 2, nên có vai trò là người thực hành tích cực.

-Các bị cáo H, M, Th, Th, S, Ph tham gia với vai trò người thực hành.

T, M, Th sử dụng tiền đánh bạc nhiều ở nhóm thứ 2 nên có mức hình phạt thấp hơn Q.

H, Th, S, Ph sử dụng tiền đánh bạc ở nhóm thứ 3 nên có mức hình phạt thấp hơn nhóm thứ 2.

Các bị cáo T, Q, Th, T, M, M, H, Th, Ph, S cùng tham gia đánh bạc, cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên cùng thực hiện với vai trò đồng phạm.

*Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo như sau:

-Bị cáo N nhân thân chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, hiện đang mang thai, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Các bị cáo Q, T, Th, Th, H, M, S, M tại cơ quan điều tra cũng như tại Phiên tòa đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, i khoản 1 Điều 51 của BLHS.

- Bị cáo T tại cơ quan điều tra cũng như tại Phên tòa đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, nhân thân bị cáo T có 01 tiền án tuy đã được xóa án tích nhưng thể hiện nhân thân xấu.

- Bị cáo Ph tại cơ quan điều tra cũng như tại Phên tòa đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải nên cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS, bị cáo có 1 tiền án ngày 31/7/2018 TAND huyện L xử phạt bị cáo 6 tháng tù về tội Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án, ngày 16/12/2019 lại phạm tội (đến 31/7/2020 mới được xóa án tích), nên phạm tội lần này là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Xét thấy các bị cáo N, Q, T, Th, Th, H, M, S, M đều có 2 tình tiết giảm nhẹ trở lên quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS, căn cứ vào Nghị quyết 02/2018, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét bị cáo Ph nhân thân có 01 tiền án ngày 31/7/2018, phạm tội lần này là tái phạm, bị cáo liên tiếp có hành vi Đánh bạc đã bị xử phạt nhưng không lấy đó làm bài học tiếp tục phạm tội, nên cần phải cách ly bị cáo Ph ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo.

Xét bị cáo T nhân thân có 01 tiền án về tội Trộm cắp tài sản ngày 27/4/2015 TAND huyện V, tỉnh Hưng Yên xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, tiền án này đã được xóa, nhưng xác định T có nhân thân xấu. Cần phải cách ly T ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: do các bị cáo đều không có nghề, không có thu nhập ổn định, ngoài ra bị cáo N đang nuôi 3 con nhỏ, hiện đang có thai; bị cáo T đang ly thân vợ; bị cáo Th không có cha; bị cáo Thắng con mới sinh mới chết, đều có hoàn cảnh riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với các bị cáo là có căn cứ.

[4] Về vật chứng vụ án:

+ Số tiền thu giữ được là 21.780.000 đồng, trong đó tiền trên chiếu bạc là 15.980.000 đồng, trong người bị cáo M là 5.000.000 đồng M khai sử dụng để đánh bạc, tiền phé N thu của các con bạc là 800.000 đồng, đều là tiền do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cho tịch thu sung công toàn bộ 21.780.000 đồng là có căn cứ.

+ Đối với 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 chăn là công cụ phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[5]. Về án phí: các bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Gá bạc”; Các bị cáo Lê Đình P, Phạm Như Q, Phạm Văn Tr, Nguyễn Chiến Th, Lê Thị T, Lê Thị Q M, Lê Thị H, Lê Đức Th, Nguyễn Thị M và Trịnh Phương S phạm tội Đánh bạc.

1. Về hình phạt chính

- Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 322, điểm s, n khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s, i khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo T, Q, M, M, Thắng, Th, H, S; Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1.2. Xử phạt bị cáo Phạm Như Q 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.4. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chiến Th 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.6. Xử phạt bị cáo Lê Thị Q M 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.7. Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.8. Xử phạt bị cáo Lê Đức Th 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.9. Xử phạt bị cáo Trịnh Phương S 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Lê Đức Th về UBND xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng N về UBND xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội; Giao bị cáo Nguyễn Chiến Th về UBND xã K, huyện L, thành phố Hà Nội; Giao bị cáo Lê Thị Q M về UBND xã Thắng Lợi, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Giao bị cáo Lê Thị H về UBND xã Đ, huyện L, thành phố Hà Nội;

Giao bị cáo Nguyễn Thị M về UBND xã T, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên; Giao bị cáo Trịnh Phương S về UBND xã Y, huyện Phú Mỹ, tỉnh Hưng Yên là nơi các bị cáo cư trú theo dõi giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 5 Điều 65 của BLHS: Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự.

1.10.Xử phạt Lê Thị T 09 tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ từ ngày 16/12/2019 đến ngày 25/12/2019, bị cáo T còn phải thi hành 08 tháng 21 ngày tù, hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật hình sự.

1.11.Xử phạt Lê Đình P 07 (Bảy) tháng tù, hạn tù tính từ ngày 16/12/2019.

2. *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

-Căn cứ Điều 47 của BLHS; Các Điều 106, 136, 331, 332, 333 của BLTTHS; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. *Về vật chứng*:

+ Tịch thu sung công 21.780.000 đồng (Tại biên lai số AA/2010/0001788 ngày 11/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L).

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 01 chăn (Tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện L và Chi cục thi hành án dân sự huyện L ngày 07/5/2020).

4. *Về án phí*: Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Nguyễn Thị M, Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Lê Đình P, Nguyễn Chiến Th, Lê Thị Q M, Lê Thị T, Lê Thị H, Lê Đức Th, Trịnh Phương S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Báo cho các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Lê Đình P, Phạm Văn Tr, Phạm Như Q, Nguyễn Chiến Th, Lê Thị Q M, Lê Thị T, Lê Thị H,

Lê Đức Th, Nguyễn Thị M và Trịnh Phương S có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Công an huyện L;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Vũ Thiên Hương